

VÔ MÔN QUAN

無門関

CHỮ VÔ CỦA PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyên tác Vô Môn Quan: Vô Môn Huệ Khai

Dẫn nhập và chú giải: Nishimura Eshin

Bình luận: Giáo sư Akizuki Ryômin

Biên dịch: Nguyễn Nam Trân



Như Ý Luân Quan Âm (Mật Tông, thế kỷ thứ 10)

PHẦN II:TỪ TẮC 11 ĐẾN 20

Tắc số 11: Triệu Châu thử sức am chủ (Châu khám am chủ)¹.

州勘庵主

Bản Tắc:

Hòa thượng Triệu Châu đến thăm một vị am chủ², hỏi:

- Sao, có gì không?³

Am chủ bèn đưa nắm tay lên⁴. Triệu Châu mới nói:

- Nước cạn, không phải là chỗ để đậu thuyền.

Xong, bỏ ra ngoài.

Thế rồi ông lại đến thăm một vị am chủ khác, hỏi:

- Sao, có gì không?

Vị am chủ này cũng đưa nắm tay lên. Lúc đó, Triệu Châu bèn nói:

-Thả, bắt đều được. Mặc lòng cho sống hoặc giết chết⁵. (Nhân vật đáng nể!)

Bèn cúi lễ.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Hai người cùng đưa nắm tay lên, cứ sao đối với một bên thì Triệu Châu khen ngợi, một bên lại chê bai như vậy. Nói thử nghe coi! Để biết sự thăm dò của Triệu Châu ảo diệu đến mức nào. Lúc ấy, nếu biết thốt ra câu nào có giá trị chuyển mê khai ngộ thực sự, sẽ thấy Triệu Châu chỉ được mỗi tác lưỡi không xương! Bởi vì muốn giúp đỡ nâng lên (khẳng định) ai hay loại bỏ lật nhào (phủ định) ai, ông ta đều có thể tùy tiện.

Dù Triệu Châu muốn đánh giá họ thế nào, hai vị am chủ đều đọc được ý đồ (tâm cảnh) của ông ấy! Vì vậy, nếu người tu học nào còn thấy giữa hai vị am chủ kia có kẻ hơn người kém là anh ta chưa có cái nhãn lực của thiền. Còn như cho rằng hai bên cũng giống y nhau thì phải nói anh ta cũng chưa có nhãn lực nốt.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Nhãn lưu tinh,
Cơ xé⁶ điện.
Sát nhân đao,
Hoạt nhân kiếm.

¹ Thoại này có chép trong Triệu Châu Lục nhưng ở chỗ “am chủ” lại viết “tôn túc” và thay vì “năng sát năng hoạt” lại là “năng thủ năng toát”.

² Kẻ đã giác ngộ nhưng không ở trong điện đường già lam để tiếp hóa kẻ khác mà sống ẩn cư ngoài am. Trong chốn rừng lâm Trung Quốc, có các Đông Am Chủ, Tây Am Chủ rất nổi tiếng.

³ Nguyên văn “Hữu ma, hữu ma!” là một câu hỏi rất đáng sợ: Có không, có không? Có ở đây không? (Tại ma, tại ma!) Có gì trong đó? Trong am có thiền chăng? Có thức tỉnh chăng? Dùng chữ “ma” là hỏi một cách xằng xớm.

⁴ Cho thấy thiền cảnh của mình.

⁵ Đây ám chỉ tâm cơ của người tu thiền.

⁶ Xé: lôi kéo, bắt.

眼 流 星
機 掣 電
殺 人 刀
活 人 劍

(Mắt sáng tựa sao băng,
Tâm cơ như ánh chớp.
Đem con dao đoạt mạng,
Làm lưỡi kiếm cứu người).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Các am chủ là những người đã rời thế tục, vứt bỏ danh lợi, sống ẩn dật trong một cái am con, vui với sự tu hành. “Hữu ma, hữu ma?”, ý hỏi tâm cảnh giác ngộ của anh ra sao, có thì cho tôi xem với! Tuy nhiên, có thuyết cho rằng “Hữu” hay “Tồn Tại” còn có nghĩa là “Cu” nghĩa là “Có Mặt”. Nhưng thôi, bỏ qua khía cạnh ngữ học, xem thử công án này muốn nói gì.

Trước câu hỏi của Triệu Châu, am chủ đầu tiên không nói không rằng, chỉ đưa nắm tay lên. Thiền sư mới bảo: “Bến của anh nước nông quá, con thuyền cỡ lớn của tôi không đỗ được” và bỏ đi mất. Đến phiên ông am chủ thứ hai, có lẽ là cái “một” đương thời, cũng im im chỉ đưa nắm tay lên và lần này, lại được Triệu Châu khâm phục như một đại thiền sư.

Nếu qua công án này mà chỉ hiểu nội dung nó muốn nói “Một cử chỉ như đưa nắm tay lên, tùy theo tâm cảnh, nhân cách của người nhìn nó, có thể hoặc được nhìn nhận hoặc bị phủ nhận”, là đã rơi vào trong vòng lý luận thông thường của thế gian. Công án này tương tự Tắc 26 về chuyện hai tăng sĩ cùng cuốn rèm mà ông thầy của họ lại cho rằng giữa hai ông có một được, một mất. Nói như thế, không có nghĩa phải xem tương đậu nành nhuyển (*miso*) và phần không cái nào hơn cái nào. Trong chỗ rối beng, khó thể phân biệt này, vấn đề là làm sao nhìn ra tâm điểm của công án? Muốn như vậy phải hiểu được triệt để cách khu xử của Triệu Châu, người đã thông dong trong sự xét đoán, khẳng định hoặc phủ định theo ý mình.

Người xưa có câu:

Nhật thụ xuân phong hữu lưỡng bàn,
Nam chi hướng noãn bắc chi hàn.

杏 樹 春 風 有 兩 般
南 枝 向 暖 北 枝 寒

(Một cây đón gió có hai vùng,
Nam ấm dương xuân, bắc lạnh lòng)

Trên mặt ngôn ngữ, việc “nhìn nhận một người và phủ nhận một người” giống như chuyện về một loại cây, lúc mọc trên bãi Naniwa thì người ta gọi là *ashi* (vi lô), trên bến Ise thì gọi là *ogi* (địch). Tuy tên khác nhau là vì chỗ mọc khác nhau, chứ chúng cũng chỉ là một vật (lau lách). Phải hiểu một cách thấu suốt như vậy.

Tóm lại, đừng chấp nhất vào sự nhìn nhận hay phủ nhận bên ngoài. Nếu chưa hiểu nguồn gốc hành động tự do của Triệu Châu thì chưa thấm nhuần ý nghĩa công án. Cái cảnh hướng về phương nam nơi ấm áp (khẳng định) và cái cảnh hướng về phía bắc phải chịu lạnh lùng (phủ

định) đều là bộ phận của một thân cây tên gọi Triệu Châu, vì cái “máy động”⁷ trước trận gió xuân mà trở thành khác nhau thôi.

Cái “máy động” ấy hiện ra từ đáy đại tự tại của người học thiền, khi khăng định thì triệt để khăng định (hoạt nhân kiếm), khi phủ nhận thì triệt để phủ định (sát nhân đao).

Bả định tắc chân kim thất sắc,
Phóng hành tắc ngọa lịch phóng quang.

**把 定 則 真 金 失 色
放 行 則 瓦 礫 放 光**

(Giữ chặt, vàng mười phai hết sắc,
Phóng tay, gạch ngói rạng màu tươi).

Trong đoạn cuối, có nói đến việc Triệu Châu bị hai vị am chủ biết tông ông đang thử họ. Bằng chứng là dù được khen hay bị chê, họ đều “không còn chấp ngã” (bất quan ngã yên) khi đưa nắm tay lên để nói “trời đất hợp nhất” thành một tuyệt đối (tuyệt đối quyền đầu)⁸. Điều ấy làm cho Triệu Châu không biết xử sự ra sao. “Bình thân như con quạ trên cành liễu”, hai vị am chủ đã thấy trước màn kịch độc diễn lúc khăng định lúc phủ định của Triệu Châu rồi. Hòa Thượng Vô Môn như thế đã đứng ở vị trí hai vị am chủ để đặt điều bốn ông.

⁷ Máy động. Hataraki trong tiếng Nhật, một từ rất phong phú. Anh Mỹ dịch bằng 3 chữ: function (cơ năng), operation (thao tác) và working (tác dụng).

⁸ Không khác gì nhất chỉ thiền của Thiên Long và Câu Chi (LND).

Tác số 12: Thụy Nham đóng trò (Nham hoá chủ nhân)⁹.

巖喚主人

Bản tắc:

Mỗi ngày, hòa thượng Thụy¹⁰ Nham Sư Ngạn¹¹ một mình cất tiếng gọi:

-Ông chủ ơi!

Xong tự trả lời lấy:

-Thưa vâng!

Lúc đó lại nói tiếp:

-Hãy mở mắt thức tỉnh đi ông! Vâng. Từ rày cũng đừng để ai đánh lừa nhé, ông? Vâng, vâng!

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Cái lão Thụy Nham này một mình bán, một mình mua. Đem đủ loại mặt nạ thần, mặt nạ quỷ kỳ quái ra đóng trò một mình. Vì có gì vậy? Nhìn đây thì rõ! Một kẻ gọi, một kẻ trả lời, một kẻ tỉnh giấc, một kẻ bị người lừa. Chấp nhận làm một trong những con người của lão đã là sai lầm rồi. Còn như bắt chước đóng trò như lão thì đâm ra chúng ta hiểu thiên theo cách của dã hồ¹² mất.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Học đạo chi nhân bất thức chân,
Chỉ vị từng tiền nhận thức thân¹³.
Vô lượng kiếp lai sinh tử bản,
Si nhân hoá tác bản lai nhân.

學道之人不識真
只為從前認識神
無量劫來生死本
痴人喚作本來人

(Học đạo sao mà chưa nhận chân,
Khô vì nghiệp-thức mới trầm luân.
Trong vòng sinh diệt bao nhiêu kiếp,
Người mù mà nhầm chính bản thân).

⁹ Truyện có chép trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển 7, truyện Thụy Nham Sư Ngạn. Có dịch giả đọc là Thoại Nham.

¹⁰ Nhiều người đọc là Thoại, không hiểu có liên quan đến việc ký húy hay không?

¹¹ Chỉ biết là thiên gia đời Đường, không rõ năm sinh năm mất. Nhận pháp tự của hòa thượng Nham Đầu (828-887). Tiểu sử xem Tổ Đường Lục quyển 9, Truyền Đăng Lục quyển 17.

¹² Ý nói thiên kiêu chồn hoang (dã hồ thiên) tức hiểu sai về thiên hay tham thiên thiếu chân thực.

¹³ Thức thân cũng là “nghiệp thức” của nhiều đời, từ quá khứ qua hiện tại đến tương lai. Người ta vương nghiệp vì thường làm tướng sự hiểu biết của mình là cái ngã chân thực.

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Làm gì có chuyện nếu Thụy Nam không gọi, ông chủ ấy sẽ biến mất đâu! Cho nên, nhất định việc gọi cái ngã tức ông chủ của mình không giúp cho mình tự giác về mình. Câu chuyện này chỉ là trò vui chơi đối với Pháp trong trạng thái vô tâm (du hí tam muội) của thiền sư Thụy Nham đó thôi. Ông muốn bày tỏ niềm vui đã tìm thấy lẽ đạo (dẫn lòng từ rày về sau không còn bị đánh lừa bởi những cái ngã giả tạo do nghiệp thức) và tự nhiên, tự thể vui đạo của ông trở thành khuôn mẫu đạo gửi đến mọi người.

Khi đến đạo tràng, thiền sinh thường thấy tấm biển viết bốn chữ “chiếu cố cước hạ” nghĩa là “xin ngoảnh lại nhìn xuống chân”. Trước hết phải xếp dầy dép lại cho ngay ngắn trước khi leo lên. Tuy nhiên lời nhắc bảo ấy không chỉ có chừng đó ý nghĩa.

Khi bắt đầu tham gia vào nhiếp-tâm tức chỗ mọi người đến học tập trung tư tưởng để tọa thiền, các bậc đàn anh lại thường căn dặn “không được gây tiếng động chớp chớp¹⁴”. Những việc “nhìn xuống chân” hay “không nên gây tiếng động” đối với thiền sinh không phải chỉ thuần túy là lễ phép tối thiểu, nó là những sự chuẩn bị có mục đích giúp ta chế ngự được nội tâm không cho bay bổng ra ngoài.

Thiền sư Thụy Nham mỗi ngày gọi mình là ông chủ rồi trả lời vâng vâng dạ dạ, vui với đạo, nhưng không phải vì nếu ông ta không gọi, ông chủ ấy sẽ biến đi mất đâu. Khi đã giác ngộ điều đó, cái gọi là đạo sẽ không rời khỏi ta dù một khoảnh khắc. Sách Trung Dung cũng nói “Đạo không rời dù trong một tu du”. Phải hiểu là ta “không nên rời” và ta “không thể rời” đạo được. Dù vậy, cho đến khi ngộ đạo, ta phải nhẹ nhàng tìm về trạng thái “phóng tâm” (cái tâm an nhiên, thoát ra khỏi cái thân) như chữ dùng của Mạnh Tử. Nếu là bản chất của mình thì gọi hay không gọi đến, nó cũng không hề rời mình dù nó đóng vai ông chủ. Pháp là cái đã được cụ bị đầy đủ nơi mọi người, tuy nhiên nếu không tu hành thì nó không thể hiện và không chứng đắc. Đó là lời của Dôgen. Ở điểm đó “tu chứng” là điều quan trọng.

Trích Thủy lão sư ở Thiên Long Tự có đề lại vấn nạn (hạ ngữ): “Thụy Nham tự gọi mình là ông chủ vốn có ý gì?”. Cổ nhân khi bàn về cách hiểu công án này, có người đề ra hai câu như sau:

Sơn thâm vô quá khách,
Chung nhật văn viên thanh.

山 深 無 過 客
終 日 聞 猿 声

(Núi sâu không bóng người lai vãng,
Sớm tối nghe hoài tiếng vượn kêu)

Để thành một bồ tát thực sự trong Đại Thừa, không thể nào một thân mình mình tự ngộ được “vô tướng bình đẳng” như chuyện của thầy Thanh Thoát trong tác số 10. Từ trong chỗ “chân không vô tướng”, nhờ ở “cái tâm đại từ bi như một giọt nước không bên bờ” (nhất trích vô duyên đại từ tâm), cái diệu dụng phải khởi dậy lên được “máy động tuyệt diệu” của nó. “Trong chốn thâm sơn không bóng người, chỉ có tiếng vượn kêu suốt ngày đêm” thì đây là tiếng kêu ấy chứa đầy lòng từ bi của bồ tát đang muốn tìm mọi cách để nhắc bảo cho con người điều hết sức quan trọng nghĩa là chân lý vốn nằm trong Phật pháp. Trên kia tôi vừa mới nói đây là trò du hí tam muội của Thiền Sư Thụy Nham nhưng nghĩ lại, nó không gì khác hơn là lời kêu gọi đại từ đại bi của bồ tát hướng về chúng ta. Trong lời bàn (trình ngữ) về tác này, Nam Thiên

¹⁴ Nguyên văn: không được nhai củ cải muối dưa (takuan) gây tiếng ồn.

Bông lão sư có nói: “Năm trăm năm sau, tất có bậc vương giả dấy lên” (Ngũ bách niên hậu, tất hữu vương giả khởi). Ý người muốn bảo là cô nhân đã có lòng thương mến mà gắng gổ giúp ta như thế thì nhất định trong tương lai sẽ tạo ra được những con người giác ngộ.

Tắc số 13: Đức Sơn bung bát (Đức Sơn thác bát)¹⁵.

德山托鉢

Bản tắc:

Một hôm, hòa thượng Đức Sơn Tuyên Giám¹⁶ bung bát¹⁷ ra đến trai phòng. Bị đệ tử là Tuyết Phong¹⁸ hỏi:

-Này, chuông hiệu chưa rung, trống hiệu chưa đánh báo giờ cơm mà lão già bung bát đi đâu thế.

Do đó, Đức Sơn đành quay lại tăng phòng. Tuyết Phong mới kể chuyện đó cho Nham Đầu¹⁹ nghe.

Nham Đầu nói:

-Dù là người giỏi như²⁰ Đức Sơn lão sư đi nữa, ông vẫn chưa hiểu phần cuối²¹ của câu nói.

Nghe được, Đức Sơn cho thị giả gọi Nham Đầu tới, chất vấn:

-Nhà ngươi có gì không phục lão chăng?

Nham Đầu mới thì thầm thưa cái gì với Đức Sơn mà ông an tâm, không bắt lỗi nữa.

Ngày hôm sau, khi bước lên bục giảng²², Đức Sơn có thần thái hoàn toàn khác với mọi ngày.

Nham Đầu mới đến trước tăng đường, vỗ tay cười lớn:

-Vui quá đi thôi. Bây giờ người như Đức Sơn lão sư cũng hiểu được phần cuối của câu nói rồi. Từ nay về sau, thiên hạ không ai còn làm gì ông ta được nữa.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nếu là “phần cuối câu” (mạt hậu cú) thì có một chỗ mà cả Nham Đầu lẫn Đức Sơn cho dù có nắm mộng cũng chưa từng thấy. Dò đi xét lại thật kỹ lưỡng thì Nham Đầu, Tuyết Phong cũng như Đức Sơn, cả bọn đều là một lũ tượng gỗ con rối mà thôi.

Tụng:

Bèn có lời tụng:

Thức đặc tối sơ cú,
Tiện hội mạt hậu cú.
Mạt hậu dữ tối sơ,
Bất thị giả nhất cú.

¹⁵ Thoại này có chép Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 16, không ở trong phần nói về Đức Sơn mà phần nói về Nham Đầu.

¹⁶ Đức Sơn Tuyên Giám (782-865), thiền tăng đời Đường, thuộc dòng Thanh Nguyên. Thụ pháp tự của Long Đàm Sùng Tín. Ông chuyên nghiên cứu về Kinh Kim Cương nên lại có dị danh là Chu Kim Cương. Sau tu thiền, hay dùng gậy để dạy học trò cho nên có câu “Đức Sơn bông, Lâm Tế hát” (cây hèo của Đức Sơn, tiếng quát của Lâm Tế). Tiểu sử xem Tô Đường Tập quyển 5, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 15.

¹⁷ Đây không phải là bát khất thực nhưng là bát cá nhân ăn cơm.

¹⁸ Tuyết Phong Nghĩa Tồn, học trò của Đức Sơn và sư đệ của Nham Đầu.

¹⁹ Nham Đầu Toàn Hoát (828-887), thiền tăng dòng Thanh Nguyên đời Đường. Nhận pháp tự của Đức Sơn Tuyên Giám. Bị giặc cướp cắt đầu, hét to một tiếng rồi chết. Tiểu sử xem Tô Đường Lục quyển 7, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 16.

²⁰ Nguyên văn “đại tiêu đại...”, trong ngôn ngữ đời Tống có nghĩa “dù người lỗi lạc đến thế đi nữa”.

²¹ Ý nói kết luận hay chỗ thâm sâu cực ý.

²² Tức lên tu đi đàn trong pháp đường ở giảng cho đại chúng.

識得最初句
便會末後句
末後與最初
不是者一句

(Hiểu được phần đầu câu,
Lại hiểu nữa câu sau.
Phần đầu cộng phần cuối,
Nào phải một câu đâu!)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Một hôm, có việc gì đó mà giờ cơm bị trễ, hòa thượng Đức Sơn mới một mình cầm bát xuống phòng ăn để thụ trai, bị người trách nhiệm cơm nước (điền tòa) và cũng là đệ tử của ông là Tuyết Phong khiển trách. Bị đệ tử nói thế nhưng lão sư chỉ đi thẳng về phòng (hồi phương trượng) chứ không đáp gì. Khi Tuyết Phong đắc ý kể lại cho sư huynh là Nham Đầu nghe, ông ta có ý muốn khai nhân cho Tuyết Phong nên mới bảo lão sư là người không nắm rõ ý một câu nói cho nên đừng tự cho rằng đã đánh lừa được ông ta.

Phần sau câu chuyện đã được trình bày như trên. Đây là loại công án có tên là “hướng thượng”, thường được đánh giá cao ở các đạo tràng. Hòa thượng Đức Sơn là một thiền sư nổi tiếng về cách dạy dỗ cứng rắn “đôi với kẻ hiểu đạo thì cho 30 hèo mà đôi với kẻ không hiểu đạo cũng 30 hèo” cho nên đệ tử có trình bày được hay không đều bị thầy cho ném mùi đòn. Thế nhưng trong công án này, quái lạ, ta chỉ thấy một Đức Sơn chín muối, trở thành ông già tính tình dễ dãi, và đã bỏ quên cây hèo của mình đâu mất rồi. Thật là một công án lạ lùng hiếm có.

Kinh Thánh Tân Ước kể chuyện Chúa có một môn đồ trẻ tuổi mà người rất yêu dấu, đó là thánh Giăng (Johanes), mệnh danh là “ông thiên lôi”. Thánh Giăng sau khi Chúa chết đã trở thành nhà truyền đạo vùng Tiểu Á Tế Á, đến già vẫn không bớt hăng hái. Lời ông thường dạy là câu: “Hãy yêu thương kẻ lân cận như mình!” Ông thiên lôi năm nào đã trở thành người sứ đồ của tình yêu thương. Lúc tôi còn trẻ vẫn được nghe mục sư Wada Shinji dạy rằng hãy tìm hiểu con người trước và sau khi gặp Phúc Âm, xem họ đã thay đổi như thế nào.

“Cái hèo của Đức Sơn, tiếng quát của Lâm Tế”! Thế mà hòa thượng Đức Sơn, con người truyền thiên cơ bằng phương pháp dữ dội ấy, nghe ông học trò nổi nóng lên lại không dám phản ứng gì, chỉ lẳng lặng quay về phương trượng. Các thiền gia Nhật ngày xưa đã nhìn thấy trong phong cách “hồi phương trượng” (trở về phòng) này của ông một thiên ý vô hạn, có mức có chan bao nhiêu cũng không cạn:

Thùy tùy phương thảo khứ,
Hựu trực lạc hoa hồi.

始 隨 芳 草 去
又 逐 落 花 回

(Ra đi lần lối cỏ tươi,
Rồi theo mấy cánh hoa rơi ta về)

Cái diệu dụng, “máy động tuyệt diệu” trong trạng thái hoàn toàn vô tâm này, nào phải cần lời nói để giải thích. Chúng ta chỉ còn biết bài phục hòa thượng Đức Sơn - qua cách ứng xử ở đây

của ông - đã đạt đến chỗ thâm sâu của thiền.

Khi tôi đọc Chính Pháp Nhân Tạng đến đoạn Thiền sư Dôgen (Đạo Nguyên, 1200-1253) phê bình Đức Sơn, lấy làm tiếc vì ông chỉ phê bình một Đức Sơn thời trẻ mà bỏ qua cảnh giới “Phật hướng thượng” (hướng lên trên cả Phật) của Đức Sơn về già.

Cố lão sư Furukawa Takamichi khi điếm về các tác Vô Môn Quan trong mật thất đã nhảy qua cái tác thứ 13 này vì ông chủ trương rằng nó quá quan trọng, chỉ có thể nhắc đến vào giai đoạn cuối trong sự tu học²³.

Hòa Thượng Vô Môn cười ba thầy trò Đức Sơn, xem họ chỉ là những tượng gỗ con rối nhưng xin hiểu cho đó chỉ là lời nói đùa xuống để nâng lên (ức hạ thác thượng)²⁴ của nhà thiền.

Hòa thượng Kobori Nanrei đã đọc những lời sau trước hương linh của Suzuki Daisetsu tiên sinh:

Chúng sinh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành²⁵,
Cửu thập ngũ niên chỉ giá nguyện,
Cánh dư nhất nguyện đã phong lưu²⁶.
Tiên sinh! Tiên Sinh! Hát!

衆 生 無 邊 誓 願 度
煩 惱 無 盡 誓 願 斷
法 門 無 量 誓 願 學
仏 道 無 上 誓 願 成
九 十 五 年 只 這 願
更 余 一 願 也 風 流
先 生 ! 先 生 ! 喝

Nhìn suốt 95 năm cuộc đời của lão sư Suzuki Daisetsu, cái điều mà dù sau khi ông chết không hề mai một là “ước vọng duy nhất ” (nhất nguyện) này mà ông để lại. Đó cũng là “phần cuối câu nói” (mạt hậu cú) của ông. Do đó, khi lời nguyện này phát ra là Phật đạo đã thành tựu rồi. “Sơ phát tâm thì, cánh thành chính giác” (Lúc mới phát tâm thời chính giác đã thành), là đây. Ý nói lúc bắt đầu, nếu có lòng thành, tức khắc sẽ “hiểu được phần cuối câu nói”. Bên trên, hướng thượng để cầu tâm bồ đề vì muốn trao nó lại cho chúng sinh phía dưới. Dù nói vậy chứ phần đầu (tối sơ) và phần cuối (mạt hậu) của câu nói không nhất thiết phải giống nhau. Chúng riêng biệt cả đấy, như ý câu thơ sau:

Tâm thường nhất dạng song tiền nguyệt,
Tài hữu²⁷ mai hoa hựu bất đồng.

²³ Chú ý là giáo sư Akizuki Ryômin đã sắp xếp các tác theo một thứ tự khác hòa thượng Vô Môn. Ông đi từ dễ đến khó (xin xem thêm lý do trình bày ở cuối sách).

²⁴ Ba thầy trò Đức Sơn, Nham Đầu và Tuyết Phong đều là những đại sư tên tuổi trong lịch sử Thiền tông.

²⁵ Những câu kinh này gọi là Tứ Hoàng Thế Nguyện (Bốn lời cam kết lớn) có chép trong kinh Hoa Nghiêm Tỉnh Hành Phẩm, rất phổ biến và khá dễ hiểu nên xin phép không dịch.

²⁶ Chắc không thể hiểu phong lưu theo nghĩa thông thường (sung túc, thư thái) mà theo nghĩa tôn phong đạo lưu tức phong cách truyền thừa của đạo.

²⁷ Tài hữu: vừa mới có một ít.

尋 常 一 樣 窓 前 月
纔 有 梅 花 又 不 同

(Vẫn ánh trăng quen cài trước cửa,
Mới đằm hoa mai thấy khác rồi)

Hoa mai này phải hiểu nó như thế nào?

Tác số 14: Nam Tuyền chém mèo (Nam Tuyền trăm miêu)²⁸.

南泉斬猫

Bản tác:

Hòa thượng Nam Tuyền²⁹ nhân việc các học tăng ở đông đường và tây đường cứ tranh cãi nhau vì một con mèo, mới nắm ngay nó tại chỗ và giơ lên, nói:

-Nếu có ai trong các người nói được một câu nào, ta sẽ tha mạng con mèo. Bằng không, ta sẽ chém nó cho coi.

Chư tăng không ai đáp lại được. Rốt cục, không còn cách nào, Nam Tuyền chém con mèo.

Tôi hôm đó, đại đệ tử của ông là Triệu Châu ở ngoài về. Nam Tuyền đem chuyện vừa xảy ra kể lại. Lúc đó, Triệu Châu mới tháo đôi dép cỏ mang dưới chân đội lên đầu và ra khỏi phòng.

Nam Tuyền thấy thế mới bảo:

-Nếu người lúc đó có mặt thì nhất định con mèo không đến nỗi chết.

Bình Xương:

Vô Môn nói rằng:

Này, nói thử xem! Triệu Châu nghĩ gì mà tháo giày cỏ đội lên đầu như vậy nhỉ? Nếu thốt ra được một lời chính đáng để chuyển mê khai ngộ tại chỗ, có lẽ mới biết hành động (tàn nhẫn) của Nam Tuyền chẳng phải hoàn toàn vô ích. Ví bằng không làm được như thế thì ông sẽ nguy lắm.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Triệu Châu nhược tại,
Đạo hành³⁰ thử lệnh.
Đoạt khước đao tử,
Nam Tuyền khát mệnh.

趙州若在
倒行此令
奪卻刀子
南泉乞命

(Nếu Châu có đó,
Làm ngược lệnh thầy.
Cướp mũi đao lại,
Mạng Tuyền sao đây?)

²⁸ Thoại này có chép trong Triệu Châu Lục quyển thượng và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 8. Thoại này nổi tiếng vì đã dạy về việc “Nam Tuyền nhân mạnh rằng người ta có thể tự để cho mình rơi vào súc sinh đạo khi làm một hành động để biểu hiện Phật đạo” (dị loại trung hành)”

²⁹ Nam Tuyền Phổ Nguyên (748-834), thiền tăng đời Đường, nhận pháp tự của Mã Tổ Đạo Nhất (709-788). Cùng với Bách Trượng Hoài Hải và Tây Đường Trí Tạng, ông là một trong 3 học trò giỏi của Mã Tổ. Thầy của Triệu Châu. Tiểu sử thấy chép trong Tổ Đường Lục quyển 14 và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 6.

³⁰ Hay “đạo hành nghịch thí” nghĩa bóng là đáp đúng bằng cách khác.

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Tắc này ý nói các thầy trong Nam Tuyền tăng đường tranh cãi với nhau xem con mèo có Phật tính hay không cho nên hòa thượng Nam Tuyền Phổ Nguyên nhân đó dùng con mèo như một dụng cụ giáo khoa tốt để đặt vấn đề. Cụ muốn bảo: “Nếu các người nói được câu nào chân thực để làm sáng tỏ ý nghĩa của thiền thì các người sẽ cứu được sinh mạng con mèo này!”

Nhìn vào công án mà chỉ thấy việc Nam Tuyền chém mèo là phạm giới sát sinh thì chưa hiểu gì về truyện thiền. Truyện không dính dáng gì tới con mèo cả. Nhớ nhé, thiền là “tức kim, thử xứ, tự kỷ, kỷ sự cứu mình” (bây giờ, ở đây, chính mình, xét rõ việc mình) kia đấy!

“Rốt cuộc, Nam Tuyền bèn chém mèo” có nghĩa là chỉ cần một nhát dao của Nam Tuyền mà người tu thiền ngồi trên bờ đoàn giết phứt được cái tự ngã nhỏ nhoi của mình. Thiền sư Hakuin có nói: “Này các bạn trẻ! Nếu sợ chết thì chết ngay bây giờ đi. Đã chết một lần rồi, sau sẽ khỏi chết nữa!”. Thật vậy, sau một cái chết lớn (đại tử nhất ban) trên tám bờ đoàn, ta sẽ phủ định trọn vẹn hai đầu quăng đời từ tiếng khóc oe oe đến hơi thở cuối cùng. Thế rồi ta sẽ thấy được từ trong cội nguồn của thế giới, hiện ra một sinh mệnh mới mà ta không chờ đợi tới. Đó là “thể nghiệm giác ngộ” của thiền.

Jesus Christ từng nói: “Kẻ nào không sinh lại thì không có thể vào nước của Đức Chúa Trời”. Chết và phục sinh là một bí mật của sinh hoạt tôn giáo bất luận đông tây cổ kim. Thánh Phao-Lô (Paolo) cũng dạy: “Hãy vác thập tự giá của mình theo Chúa và cùng chúa phục sinh” hay “Không còn sống với cái ta nữa mà phải sống với Đấng Christ trong ta”. “Cái sống sau cái chết, đó là đường lối của Thiên” nhưng cũng là sinh mệnh chân thực của mọi tôn giáo.

Lúc nghe thầy mình kể lại câu chuyện, Triệu Châu gỡ đôi dép dưới chân, đội trên đầu đi ra ngoài. Việc làm này không có ý nghĩa gì đặc biệt, hoàn toàn “vô tâm diệu dụng”. Hoặc chỉ là cách thức để chứng minh rằng một người đã thấy cái tự ngã chân thực thì cho dù muốn chém cũng không chém được, vì đã chết một lần rồi nên không còn có thể chết thêm. Cách bộc lộ ra bên ngoài của Triệu Châu ở đây, có lẽ phải gọi là thiền theo lối dã hồ.

Tóm lại, trên bờ đoàn, phải một lần triệt để làm cho tự ngã chết đi. Lúc ấy, không ngờ, ta sẽ sống lại cùng với tự kỷ vô tướng, hợp nhất với vũ trụ (vũ trụ nhất bôi). Đó là kinh nghiệm kiến tính (nhìn thấu suốt bản tính của mình). Tôi có làm một bài kệ đầu cơ với nội dung như sau: “Như một cái thùng gỗ giữ gìn hai mươi mấy năm, một sáng thùng đáy không giữ được nước nữa. Thế nhưng không ngờ lại thấy xuất hiện một cái “đáy không đáy” (để vô đề) và từ nơi đó, nguồn nước pháp tự nhiên (pháp di) bắn vọt lên” Đưa cho thầy Suzuki Daisetsu tôi xem thì người nói: “Nước trào lên, nếu không biết giữ thì sẽ khô cạn chẳng còn gì. Cái khó nằm ở chỗ đó!”.

Tác số 15: Ba hèo đòn của Động Sơn (Động Sơn tam đốn)³¹.

洞山三頓

Bản tắc:

Động Sơn Thủ Sơ³² đến học đạo hòa thượng Vân Môn³³. Nhân đấy, hòa thượng hỏi:

-Vừa ở đâu đến đấy?

Động Sơn đáp:

-Thưa từ bến Tra Độ.

Vân Môn lại hỏi:

-Mùa hạ, an cư³⁴ ở vùng nào?

Động Sơn đáp:

-Thưa chùa Báo Từ tỉnh Hồ Nam.

Vân Môn:

-Rời nơi đó hồi nào?

Động Sơn:

-Hôm 25 tháng 8 ạ!

Vân Môn mới nói:

-Thế thì chú đáng ăn ba hèo đòn. Nhưng thôi, tha cho!

Ngày hôm sau, Động Sơn đến chỗ hòa thượng vái chào và hỏi:

-Hôm qua mong ơn lão sư tha cho ba hèo đòn³⁵. Nhưng dám hỏi tiểu tăng thất thố chỗ nào?

Vân Môn bảo:

-Cái túi cơm³⁶ kia! Cứ kiểu đó mà (uống công) đi hết Giang Tây đến Hồ Nam³⁷ (loanh quanh khắp các đạo tràng trong thiên hạ) như thế sao?

Lúc ấy, Động Sơn bèn đại ngộ.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Lúc đó Vân Môn đã dọn bó rom xưa nay ngon tuyệt³⁸ cho anh chàng chẳng ra chi là Động Sơn

³¹ Thoại này có chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục và Ngũ Đăng Hội Nguyên, chương nói về Động Sơn Thủ Sơ.

³² Động Sơn Thủ Sơ (910-990), thiền tăng đời Đường, nhận pháp tự của Vân Môn Văn Yến, tu ở Tương Châu Động Sơn. Không nên nhầm với Động Sơn Lương Giới, tổ của tông Tào Động. Lý do là tên các thiền sư thường bắt đầu bằng tên đất (chùa nơi họ tu) rồi sao mới tới đạo hiệu (có ít nhất 3 ông Động Sơn). Động Sơn Thủ Sơ nổi tiếng với công án về Ba Căn Tơ (Ma Tam Căn). Tiểu sử có trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 23 và Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 5.

³³ Vân Môn Văn Yến (864-949), thiền tăng đời Đường, nhận pháp tự của Tuyết Phong Nghĩa Tồn (822-908). Tổ của tông Vân Môn. Xem tiểu sử ở Tổ Đường Tập quyển 11, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 19 và Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 7. Trừ tác có Vân Môn Khuông Chân Thiền Sư Quảng Lục 3 quyển.

³⁴ Hạ an cư tức là qui chuẩn nhà Phật đòi hỏi người đi tu dừng chân ba tháng (cắm túc an cư) ở một chùa thiền (tùng lâm) giữa mùa hạ từ giữa tháng tư đến giữa tháng bảy để nhiếp tâm (tập trung tinh thần tu hành). Ngoài hạ an cư, ở Nhật còn có thêm tuyết an cư vào mùa đông.

³⁵ Chính ra “tam đốn bổng” có nghĩa là 60 hèo chứ không phải chỉ có 3. Đây là cách nói tượng trưng.

³⁶ Phạn đại tử. Phường giá áo túi cơm. Tiếng mạ lỵ người vô tích sự.

³⁷ Gộp chung là “giang hồ”, phía tây sông Dương Tử và phía nam hồ Động Đình, tức các đạo tràng trong thiên hạ. Giang Tây có ngài Mã Tổ, Hồ Nam có ngài Thạch Đầu, vào đời Đường là những nơi thiền học thịnh vượng.

³⁸ Nguyên văn “thảo liệu” có nghĩa là rom rạ dùng làm đồ ăn cho ngựa (mã thảo). Ở đây ám chỉ ba hèo đòn (đại phủ định), món ăn thông dụng xưa nay của người học thiền. Nó tương xứng với ba câu trả lời của Động Sơn, vị chỉ mỗi câu một đốn.

nhời³⁹, là muốn đưa cả tông môn Động Sơn thoát khỏi cảnh u ám đó chứ. Mặc anh chàng khổ sở nghĩ tới nghĩ lui đủ chuyện suốt một đêm, đợi đến sáng hôm sau ông mới thân tình triệt để giải thích, phá mê cho. Dù lúc đó Động Sơn có khai ngộ nhưng khó nói anh ta là người nhanh nhẩu được⁴⁰. Chắc lúc này các bạn muốn đặt câu hỏi, xem thử Động Sơn có đáng ăn ba hào đòn (60 bổng) hay không. Nếu anh ta đáng ăn đòn thì có lẽ tất cả mọi người tu hành trên đời này (thảo mộc tùng lâm) đều đáng ăn đòn, còn như không đáng ăn thì lời của hòa thượng Vân Môn quả là xằng bậy. Vậy thì, nếu muốn làm cho ra lẽ ở đây và cũng là để giúp Động Sơn, ta có nên lấy hơi thổi phù một cái (cho hòa thượng Vân Môn mất biến đi) không?

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Sư tử giáo nhi mê tử quyết,
Nghĩ tiên khiêu trịch táo phiên thân.
Vô đoan tái tự đương đầu trước,
Tiền tiền do khinh hậu tiền thâm.

獅 子 教 兒 迷 子 訣
擬 前 跳 躑 早 翻 身
無 端 再 敘 當 頭 著
前 箭 猶 輕 後 箭 深

(Sư tử dạy con cho lọt hố,
Vừa chồm tới trước, đã quay đầu.
Ngờ đâu tên trúng ngay hai phát,
Mũi trước còn nông, sau mới sâu)

³⁹ Tức là muốn chỉ cho anh ta một con đường học thiền linh động (sinh cơ nhất lộ).

⁴⁰ Người đời trong các ngữ lục thường ca tụng cái đại ngộ của Động Sơn (qua câu nói kết thúc trong bản tác: *Lúc ấy, Động Sơn bèn đại ngộ*) nhưng Vô Môn thấy ông ta chậm lụt, không hiểu ngay ý thầy.



Huê đăng bát thảo chiêm phong, Vị miễn đăng sơn thiệp thủy...
(Cầm gậy vệt cỏ nhìn hướng gió. Chưa hết cảnh trèo non lội suối)
Thơ đề trên Động Sơn Thiệp Thủy Đồ của Mã Viễn

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

- “Người từ đâu đến?”

Hòa thượng Vân Môn đã đặt câu hỏi đầu tiên rất quan trọng cho Động Sơn. Cái “từ đâu” đây là nghi vấn rất lớn bởi vì có chữ “chân Phật tại xứ” hay “Phật là chỗ tự giác chân thực của con người”. Động Sơn lúc ấy chưa hiểu nên có sao cứ trả lời thực thà (trực hạ vô tâm) hết cái này đến cái khác. Điều ấy (đưa ra được cái “chân Phật” tức “con người thực”) cũng là điều tốt nhưng đã làm cho cuộc đối thoại trở thành thế gian thường tình. Và nếu thế thì không có vẻ gì là thiên cả và chẳng giúp Động Sơn lĩnh hội được điều gì. Thế nhưng, nếu ông không làm gì quấy cả có sao hòa thượng lại đòi đánh cho ba hèo đòn?

Người xưa có khuyên: “Cho dầu đa mang cũng phải làm như vô sự. Cứ xử sự nhiều lần như thế, trong cái đa mang sẽ sinh ra vô sự”⁴¹. Nói là yên ổn vô sự, coi như không có chuyện gì tất nhưng thật ra, khi nghĩ kỹ, vô sự phải chăng là thái độ của người đứng trước sự việc chông chênh nhưng không để ý đến chúng. Người dạy thiền lúc đó phải thử một phen lay động cái tâm cảnh bình thản “yên ổn vô sự” của kẻ tu học, bức bách, đẩy họ vào đường cùng, rồi từ đó giúp họ vượt qua để tới chỗ vô sự thực sự (vô sự thị quý nhân).

Sau hôm bị thầy mắng nhẹ, qua một đêm dài không ngủ, thở than áo nã, Động Sơn lại đến hỏi duyên do tại sao mình đáng ăn đòn. Ấy là lần đầu tiên, Động Sơn đi vào đúng cánh cửa đạo. Lúc đó hòa thượng Vân Môn mới to tiếng mắng nhiếc ông ta đã uổng công (đa mang, LND) vác cái thân vô tích sự đi loanh quanh khắp nơi không mục đích, không định hướng (cho nên khó lòng tìm ra chân lý, LND). Lạ lùng thay, nhờ mỗi một câu nói đó mà Động Sơn tỉnh ngộ ra.

⁴¹ Mang trung nhân (LND).

Theo tôi, cách thức của hòa thượng Vân Môn còn chứng tỏ một điều khác. Điều mà công án này muốn nêu lên ở đây – không còn nghi ngờ gì nữa – là tính cách “hướng thượng” của nó. Bởi vì trong thiền môn, nhất là tông Lâm Tế, thường có lối hành thiền mạnh bạo kiểu đánh đòn quát tháo, nhưng qua câu nói “Ta thả cho ngươi ba hèo đòn”, xin bái phục Vân Môn đã biết đưa thiền cảnh của Động Sơn lên cao đến chỗ lão luyện, chín chắn.

Tác số 16: Nghe chuông mặc áo bảy màu (Chung thanh thất điều)⁴².

鐘声七条

Bản tác:

Hòa Thượng Vân Môn nói:

-Thế giới bao la khoáng khoáng như thế này, có chi mỗi khi nghe chuông (chúng tăng) lại phải (bỏ buộc trong chuyện) mặc áo cà sa bảy màu⁴³ (đi xuống trai phòng)?

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Phàm các tăng sĩ tham Thiền học Phật thường phải để ý tuyệt đối không cho âm thanh, sắc tướng của thế giới chung quanh (thế giới của giác quan) lôi cuốn (tai và mắt). Vẫn biết có kẻ (như Hương Nghiêm) nghe âm thanh mà hiểu đạo hay (như Linh Vân) nhìn thấy màu sắc mà sáng lòng⁴⁴, những chuyện như vậy không xa lạ gì đối với người tu thiền cả. Tuy nhiên, ngay cả những kẻ tự phụ ở trong thế giới của thiền gia (nạp tăng gia) hình như cũng chưa hiểu điều quan trọng sau đây: họ (phải có cái chủ thể tính) có thể ngồi cưỡi lên (chế ngự) âm thanh đến từ bên ngoài, ôm choàng (bao trùm) được vật có hình sắc, thu nhận và biện biệt từng cái một, lập được quan hệ xảo diệu với chúng. Nói là nói vậy chứ ta nào biết âm thanh bay đến bên tai ta hay tai ta tìm đến nó⁴⁵. Ngay cả kẻ đạt đến trình độ thoát khỏi sự phân biệt giữa âm thanh (tiếng) và tĩnh lặng (im) cũng không biết cách giải quyết vấn nạn này. Lúc ấy, nếu lấy tai để nghe tiếng thì sẽ không nhận thấy gì cả. Phải lấy mắt mà nghe⁴⁶ thì âm thanh mới có thể hòa nhập vào người của ta.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Hội tắc sự đồng nhất gia,
Bất hội vạn biệt thiên sa.
Bất hội sự đồng nhất gia,
Hội tắc vạn biệt thiên sa.⁴⁷

**會則事同一家
不會萬別千差**

⁴² Truyện này có chép trong Vân Môn Quảng Lục quyển thượng và Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 15, chương Vân Môn.

⁴³ Thất điều (áo bảy mảnh, bảy màu) là trung y, còn gọi là Uất đa la tăng, một trong tam y. Người tu thiền mặc nó vào dịp, hội họp, lễ lạc.

⁴⁴ Hương Nghiêm văn thanh ngộ đạo, Linh Vân kiến sắc minh tâm. Chuyện tăng Hương Nghiêm Trí Nhàn (?-898) nghe tiếng đá đập vào cây trúc và tăng Linh Vân Chí Cẩn (không rõ năm sinh năm mất) chỉ nhìn hoa đào mãn khai mà ngộ đạo.

⁴⁵ Lời trong kinh Lăng Nghiêm (Đại Chính Tạng 19-115 hạ).

⁴⁶ Trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 15, chương Động Sơn Lương Giới có chép: “Vô tình thuyết pháp bất tư nghi, Nhược tương nhĩ thính chung nan hội, Nhân xứ văn thanh phương khả tri”. Ý nói nghe thuyết pháp có khi dùng mắt lại hiểu hơn dùng tai.

⁴⁷ Hai câu đầu đứng trong tư thế người hãy còn mê, để bảo nếu ngộ tất cả trở thành bình đẳng, còn không thì sẽ mất sự thống nhất. Hai câu sau ở lập trường người ngộ, cho rằng cho dù không ngộ thì vẫn bình đẳng, ngộ thì mỗi người sẽ tự phóng quang ra.

**不 會 事 同 一 家
會 則 萬 別 千 差**

(Hiểu ra, như chung nhà,
Không hiểu thành khác lạ.
Không hiểu coi là một,
Hiểu lại vạn lần xa)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Câu nói của hòa thượng Vân Môn Văn Yến có nghĩa là thế giới bao la khoáng khoáng như một khoảng chân không vô tướng. Người đang đứng ở ngay chính giữa cõi ngộ này phải biết thể nghiệm tự do⁴⁸ của mình. “Vì có gì” lại bị trói buộc trong cái chuyện phải mặc áo bảy màu xuống trai phòng khi nghe chuông báo giờ com.

Thể nghiệm tự do chân thực là máy động chân không (chân không điều dụng), cắt tuyệt được với cái tư nghi của phạm phu. Người ngộ rồi thì “cái cùi chỏ cũng không vòng ra ngoài”⁴⁹. Họ như con chim sống bên bờ nước (thủy điểu) khi đi khi về không để lại dấu vết nhưng không bao giờ chim quên lối quên đường.

Trường hợp này cũng vậy, câu hỏi “Vì có gì?” là câu hỏi cực kỳ quan trọng. Nhiều việc mỗi ngày được coi là chuyện đương nhiên có lúc bắt ta ý thức lại các vấn đề của chúng. Không nên quên rằng, bằng công án, cổ nhân đã có lòng từ bi để khơi gợi vấn đề ấy nhằm giúp ta, bởi vì khi họ “phủ định là để khẳng định”. Nhân đó, các tăng dưới trướng các vị như Trích Thủy, Long Uyên của tăng đường Thiên Long đã tìm ra một kiến giải về điều này rất độc đáo (xem “tiếng vượn kêu”, trong lời bàn của Ryômin về tác 12).

Riêng về Vô Môn, ông muốn nói rằng cho dù kẻ đã đạt đến chỗ tâm cảnh bất nhị (tâm là chủ quan, cảnh là khách quan), để cho thanh và ngã, nội ngoại đã thành nhất phiến, cũng không thể giải thích được việc âm thanh tìm đến tai hay tai tìm đến âm thanh. Cho nên nếu nghe bằng tai sẽ khó lĩnh hội, chỉ có nghe bằng mắt thì mới cảm thông được.

Lúc thân đang nghe và để tâm hồn trống không,
Giọt nước đọng nhều xuống từ mái hiên đã biến thành ta.
(Thiền sư Dôgen)

Nhìn bằng tai, nghe bằng mắt, sẽ hết hoài nghi,
Ta tự biến mình thành giọt nước đọng nhều xuống từ mái hiên.
(Đại Đăng Quốc Sư)⁵⁰

Nghe bằng mắt có nghĩa nghe bằng cả linh hồn lẫn thể xác. Cả trời đất chỉ còn ngưng lại ở một âm thanh mà thôi và nó là cái tự ngã bản lai. Đây là trạng thái “trực hạ vô tâm”, nghe trực tiếp bằng trạng thái trống không của tâm vậy. Thể nghiệm được mình đang đứng ở chính giữa thế giới, một không gian bao la khoáng khoáng, và cứ thế mà nghe. Nếu ông bố già cất tiếng ho, thì lặng lặng bùng tách trà tới. Đó là phương pháp duy nhất để đặt mình vào một hoàn cảnh mà mọi câu hỏi trở nên thừa. Cốt lõi của công án nằm ở đây. Và như tôi đã có dịp đề cập, cái đó gọi là “Đông Sơn hạ ám hiệu bí lệnh” (mật lệnh của môn phái Đông Sơn). Đông Sơn ở đây chính là tên ngọn núi của bậc tập đại thành của công án thiền, thiền sư đời Tống: Ngũ tổ Pháp

⁴⁸ Xin hiểu “tự do” trong nghĩa cổ điển của đạo học có từ Đường Tống (tự do tự tại, không bị ràng buộc).

⁴⁹ Trữu bất quăng (chữ có chép trong Luận Ngữ)

⁵⁰ Túc Thiền Sư Nhật Bản thời Kamakura tên là Shuuhô Myôchô (Tôn Phong Diệu Siêu, 1282-1337).

Diễn.

Còn về bốn câu tụng thì hai câu 1.2 là để diễn tả quan điểm của “thủy giác môn” nghĩa là phải giác ngộ trước đã (theo đó, ngộ là bình đẳng, mê là phân biệt), hai câu 3.4 đứng trên lập trường “bản giác môn” tức là đã bình đẳng ngay từ buổi đầu (ngộ và mê, bản lai đều bình đẳng). Theo quan điểm thứ hai này, thế giới bao la và con người bản lai tự do, không bị trời buộc (vô thằng vô phược). Thế nhưng, cả chân lý “chúng sinh bản lai Phật” trong “bản giác môn” lẫn quan điểm chỉ có khi liễu ngộ thì mới thể đắc bình đẳng của “thủy giác môn” đều cần phải thông qua giai đoạn tu chứng (tu hành và chứng ngộ) mới thực sự thể đắc được lần đầu tiên. Hơn nữa, trong cái ngộ (bản giác, bản chứng) của sự bình đẳng lại phải có máy động (diệu dụng, diệu tu) khó lay chuyển của sự phân biệt. Liên bên chỗ “bất lạc nhân quả” là “bất muội luân hồi” đấy. Vậy thì khi nghe chuông rung, hãy mặc áo cà sa của “như pháp”⁵¹ mà đưa mặt ra.

⁵¹ Cái gì đi đúng với đạo lý của nhà Phật.

Tác số 17: Quốc Sư gọi ba lần (Quốc Sư tam hoán)⁵².

国師三喚

Bản tác:

Thiền sư Huệ Trung Quốc Sư⁵³ gọi người thị giả⁵⁴. Người ấy đáp lại ba lần. Quốc Sư mới nói: -Ta tưởng ta phụ lòng⁵⁵ người, đâu dè người vốn đã phụ lòng ta.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Quốc Sư ba lần gọi thị giả lưỡi đã rục mà rơi xuống đất⁵⁶. Thị giả đáp lại ba lần, không phải để hòa hoãn⁵⁷ với người gọi mà để thổ lộ⁵⁸ bản tâm của mình. Quốc Sư coi bộ tuổi đã cao, đâm buồn, nên mới đề đầu trâu ép ăn cỏ. Thị giả lại ra điều không muốn nhận bởi vì đem đồ ăn ngon mà đút vào mồm người đã no bụng là làm chuyện thừa thãi. Này nói thử xem, thị giả đã phụ lòng Quốc Sư ở chỗ nào? Hình như có câu: “Đất nước bình yên, nhân tài mới được trọng, cảnh nhà giàu có, trẻ nhỏ hóa con nuông”.⁵⁹

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Thiết giá vô không⁶⁰ yêu nhân đăm,
Lụy cập nhi tôn bất đẳng nhàn.
Dục đắc sanh môn tịnh trụ hộ,
Cánh tu xích cước thương đao sơn⁶¹.

鐵枷無孔要人擔
累及兒孫不等閑
欲得禪門並拄戶
更須赤腳上刀山

(Gông kia không lỗ bắt mang vào
Lụy hết đời ông đến cháu sao!

⁵² Thoại này có chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 5, Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 2.

⁵³ Quốc Sư hay thiền sư Nam Dương Tuệ Trung (? – 775), nhận pháp tự của Lục Tổ Huệ Năng (638-713). Ông sống ở Bạch Nhại Sơn Đẳng Tử Cốc thuộc Nam Dương, Hồ Nam. Hơn 40 năm, không hề ra khỏi sơn môn. Ông phê phán thiền phương nam và chủ trương trọng việc học giáo lý. Người đầu tiên đề xướng Vô Tình Thuyết Pháp. Tiểu sử chép trong Tổ Đường Lục quyển 3, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 5. Quốc Sư là vị cao tăng bậc thầy của nhà nước như kiểu Tề Vương nhà Bắc Tề gọi cao tăng Pháp Thường.

⁵⁴ Đề từ hầu cận.

⁵⁵ Nguyên văn “cô phụ”, chỉ việc phản bội lòng chờ đợi, mong mỏi của người khác.

⁵⁶ Lưỡi bị cắt ra nghìn miếng rơi xuống đất, ý nói nói nhiều, nói quá.

⁵⁷ Hòa quang = tỏ ra hòa hoãn. Ý của chữ “hòa quang đồng trần” trong sách Lão Tử, nghĩa là mình dù có sáng cũng phải lu mờ đi để giữ hòa khí với người ta.

⁵⁸ Thổ xuất: bộc bạch tâm can để người khác thông cảm.

⁵⁹ Câu nói của Thái Công Vọng chép trong Minh Tâm Bảo Giám: Quốc tể tài tử quý. Gia phú tiểu nhi kiêu.

⁶⁰ Thiết giá vô không: gông sắt không lỗ, ý nói Phật Pháp nghiêm khắc mà người tu thiền phải tuân theo.

⁶¹ Xích cước: chân trần. Đao sơn: đao luân địa ngục, ám chỉ nơi mà bốn vách có dát những mũi kiếm chống ngược (theo kinh Quan Phật Tam Muội hoặc Đại Chính Tạng).

Nhà ai, nếu muốn cho tròn đạo,
Còn phải chân trần đạp núi đao)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Trong chốn thiền môn Trung Quốc, cái tên Quốc Sư trông không dùng để chỉ thiền sư Huệ Trung Quốc Sư ở Nam Dương. Thị giả tức người đệ tử hầu cận thầy. Ông tam-độ-thị-giả trong tác không ai khác hơn là Thiền sư Đam Nguyên Ứng Chân (xin tham chiếu tác 18 trong Bích Nham Lục).

Có thể thử dùng hai giả thuyết (phương kiến như hà) để hiểu công án này: một là thị giả (về sau là ngài Đam Nguyên Ứng Chân) trước khi nghe lời thầy nói, đã ngộ, hai là chưa.

Lời giải thích thứ nhất cho rằng thị giả lúc đó đã ngộ đạo rồi. Ba lần Huệ Trung Quốc Sư gọi “Ứng Chân!”, ba lần ông đáp lại “Vâng!”. Lúc đó ông thầy mới nói với học trò một câu mà ta có thể diễn nghĩa như sau: “Chả có chuyện gì cả mà ta lại lên tiếng gọi người. Thật là ta phụ lòng người. Thế nhưng khi người cứ tiếp tục trả lời vâng, thì ngược lại, người đã phụ lòng ta. Đâu chỉ mỗi người phán đoán sai, ta cũng sai đấy chứ!. Hai người cùng nghĩ chệch ắt không thể thông cảm nhau.” Lời giải thích này dựa trên việc Quốc sư là người nói : “Người vốn đã phụ lòng ta!”. Câu nói ấy trung ra bằng có thị giả là người đã giác ngộ rồi.

Lời giải thích thứ hai: Quốc Sư gọi thị giả ba lần và thị giả cũng trả lời vâng ba lần, thế nhưng chữ vâng ấy có nghĩa gì? Sau khi thị giả trả lời vâng lần thứ nhất, Quốc Sư dường như không để ý nên lại hỏi lần thứ hai. Lúc ấy, thị giả cũng thưa vâng nhưng trong câu trả lời, không thấy có chút khí lực, hoàn toàn “ngôn trung vô hưởng”. Vậy mà với lòng “từ bi triệt khốn” như từ tâm của một bà cụ già, Quốc Sư gọi thị giả đến lần thứ ba.

“Triệt khốn” nghĩa là “mệt lử”, “mệt bỏ hơi tai”. Từ bi đến độ mệt lử, cứ tiếp tục gọi Ứng Chân hỏi, Ứng Chân hỏi! Kiểu gọi như thế này giống y hệt cách sư Thụy Nham gọi ông chủ trong tác 19 (Nam hoán chủ nhân). Quý độc giả còn nhớ “Ông chủ” của chúng ta là ai chứ! Quốc Sư lên tiếng gọi thị giả cũng giống như Thụy Nham tự gọi mình và thông qua đó, kêu gọi tha giả (tha nhân), mà cũng là kêu gọi “cái con người mình bây giờ ở đây” (tự kỷ, tức kim, thử xứ).

Lời giải thích này chủ trương thị giả (Đam Nguyên) lúc đó thiền cơ chưa chín, làm Quốc Sư phải thất vọng đến độ phải nói : “ Nếu người cứ nghĩ rằng ta không làm nổi phận sự, dạy người không đến nơi đến chốn là vì người ngu độn, không giác ngộ được đây thôi!”.

Lạc đề một chút. Trong nguyên văn chữ Hán có câu:

*Tương vị ngô cô phụ nữ. Nguyên lai khước thị nữ cô phụ ngô.
(Ta tưởng ta phụ lòng người, đâu dè người vốn phụ lòng ta).*

Kiểu nói “Tương vị A. Nguyên lai khước thị B” thường thấy trong thiền lục. Nó có cái ngữ khí: “Cứ đinh ninh là thế này nhưng đâu dè vốn thế kia”. Đôi khi, phần sau “Nguyên lai khước thị B” có thể bị cắt bỏ để cho âm hưởng còn ngân mãi nhưng ý nghĩa của nó không vì thế mà khác đi.

Quốc Sư ba lần gọi, thị giả ba lần đáp. Quốc Sư lăm mồm như bà già nói cà kê (lão bà đàm nghĩa) nên đánh rơi cả lưỡi xuống đất. Thị giả đã có thể trả lời hoặc liền từ từ Vâng, vâng, vâng! để chiều ý người đối thoại (hành động gọi là hòa quang nghĩa là tự làm nhạt bớt ánh sáng của mình) hoặc Vâng gọn một tiếng, tự mình cho ông thầy thấy tất cả bản lai chân diện mục (hành động gọi là thô xuất hay mưa ra). Không biết thị giả đã chọn phương pháp nào. Ứng đề hà giả? Còn Quốc Sư vì già nua buồn bã, mong sớm có người nhận pháp tự nên đề đầu trâu (thị

giả) mà tọng cỏ (pháp) vào. Quốc Sư thương học trò với cái tình của bà cụ già nhân hậu nhưng thị giả không muốn chấp nhận tình thương ấy. Thị giả như một kẻ đã no bụng, chán cả cao lương mỹ vị (thần hoặc, vì cơm quá ngon, không hợp khẩu thị giả chẳng, cho nên được kêu gọi, ông vẫn chưa lĩnh hội).

Tuy nhiên, hãy thử giải thích xem thị giả đã phụ lòng quốc sư ở chỗ nào. Có phải vì ông ta giống như đứa con nhà giàu, được nuông chiều, không phải đồ chơi đẹp thì không thèm lấy. Thầy dạy cách ngộ đạo mà cách dạy không hay, trò sẽ không để mất tới. “Nhìn đây, trò đã vượt thầy!” mà ông thầy đó là Tuệ Trung Quốc Sư. Hoặc giả là cái anh thị giả này không có cái ý khí của kẻ mũ cao áo dài của bậc công khanh kia (Quốc Sư) và chỉ là cậu ấm con nhà cha mẹ có của.

Khi giải thích về công án này, có vị thầy dạy thiền bảo: Lời trong công án ngầm nói: “Ta chỉ gọi người thôi chứ ta biết người có coi ta ra gì đâu. Còn người, người chỉ trả lời ta thôi chứ người có xem ta ra gì đâu!” Qua câu ấy thì “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn. Tứ duy thượng hạ vô đẳng thất. Càn khôn vô đệ nhị nhân” (Chỉ có cái Tự Ngã là to lớn và độc nhất vô nhị). Không phải thế sao? Chỉ gọi thôi! Chỉ đáp thôi! Thấy chữ “Chỉ” chưa? Hai bên không phải có thái độ độc lập độc bộ đó sao? Hoàn toàn phụ lòng nhau. Điều đó chứng minh được cùng trong một lúc”. Vị thầy dạy thiền mà tôi nhắc đến ở trên đặt tên cho những gì lấy ra từ bài học này là “Tôn chỉ về cô phụ”.

Nghĩ ra ông thầy ấy có lý đấy! Nhưng lý nào mà chẳng đượm cái mùi của Tri Kiến Giải và Phân Biệt Ngộ. Theo lối giải thích vừa rồi, ông thầy đã tư-án-hóa công án, và dù muốn dù không, ông cũng khó thể bắt kịp cái triệt để thấy trong lối hiểu truyền thống trong thất của người xưa. Tôi tin là thế.

Nhớ câu thơ xưa:

Duy hữu dã viên tri khách hận,
Dịch Dương khô lộ đệ tam thanh⁶².

唯有野猿知客恨
嶧陽溪路第三声

(Riêng có vượn rùng đau nỗi khách
Đường bên khe Dịch hú bi thương)

Lại nữa:

San hô chằm thượng lưỡng hàng lệ,
Bán thị tư quân bán hận quân⁶³.

珊瑚枕上兩行淚
半是思君半恨君

(San hô gói lệ hai hàng lệ,
Một để thương ai, một hận ai)

⁶² Có chuyện người thợ săn giết vượn con, vượn mẹ kêu thê thảm rồi chết, mổ ra thấy ruột đã đứt (đoạn trường) nên “viên thanh” còn gọi là “đoạn trường thanh”. Đệ tam thanh có nghĩa là tiếng thứ ba.

⁶³ Không rõ gốc gác hai câu này và cũng chẳng biết vì có gì Ryômin dẫn nó ra ở đây. Hay là ông muốn nói công án thiền phải được hiểu bằng tấm lòng đơn sơ (của dã viên) và bằng trí tuệ lẫn trực giác (lưỡng hàng lệ)? (LND)



Tuyết Trúc (Phong cảnh Nhật Bản đầy thiên vị)

Tắc số 18: Ba cân tơ của Động Sơn (Động Sơn tam cân)⁶⁴.

洞山三斤

Bản tắc:

Hòa thượng Động Sơn⁶⁵ nhân một hôm có tăng hỏi:

-Phật là cái có hình thù như thế nào?

Mới trả lời:

-Ba cân tơ⁶⁶.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

:

Cái lão Động Sơn coi bộ học đâu ra được ba thứ thiền sò⁶⁷, mới vừa mở miệng ra, đã lộ hết gan ruột ra ngoài. Nói thế chứ bọn các ông đã thấy rõ hết những gì lão phơi bày⁶⁸ ra chưa? Nói thử nghe coi!

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Đột xuất ma tam cân,
Ngôn thân ý cánh thân.
Lai thuyết thị phi giả
Tiện thị thị phi nhân⁶⁹.

突出麻三斤
言親意更親
來說是非者
便是是非人

(Vọt miệng “Ba cân tơ!”,

Lời, ý gần gũi ta.

Còn kẻ giảng kia nọ,

Chỉ là anh vẽ trò)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Động Sơn ở đây là Động Sơn Thủ Sơ (910-990) tông Vân Môn chứ không phải bậc tiền bối

⁶⁴ Thoại này có chép trong Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 15, chương nói về Động Sơn.

⁶⁵ Động Sơn Thủ Sơ. Xem lời chú thích ở Tắc 15.

⁶⁶ Có người hiểu “ma” là vừng (hồ ma). Các nhà chú giải Nhật cho rằng “ma” là tơ gai (ma ti, *hemp thread*). Có câu “Ma tam cân tác y nhất kiên” (Ba cân tơ (gai) may được một (vai) áo).

⁶⁷ Thiền sò: “Cấp thiền”. Cũng như con sò con nghêu (cấp) mở miệng ra thì người ta thấy rõ gan ruột, Động Sơn đã đem tất cả những gì mình có trong bụng cho ông tăng kia xem.

⁶⁸ Động Sơn thuộc tông Vân Môn mà tông này nổi tiếng dùng những câu nói bí mật và linh diệu (diệu mật ngôn cú) cho nên hiểu được trọn vẹn ý nghĩa của chúng không phải dễ. Như thế, Động Sơn là người đã giữ được tông phong, đáng mặt nhận pháp tự của Vân Môn.

⁶⁹ Hai câu 3 và 4 này lấy từ Phổ Đăng Lục quyển 11, chương Ngũ Tổ Pháp Diễn và là lời của Ngũ Tổ.

cùng tên Động Sơn Lương Giới (807-869).

“Ba cân tơ (gai)” (Ma tam cân) phải hiểu là “Tơ (gai) có ba cân!”. Trong đó tơ không phải là một khách thể (cảnh) đứng trước chủ thể (nhân) Động Sơn. Nếu đem giải thích “Phật là ba cân tơ!” thì người Tây Phương khi đọc công án này có thể sẽ xem Phật Giáo Thiền là một phạm thần luận⁷⁰. Thực ra, hiện nay cũng có những nhà tư tưởng Phật giáo xem đạo Phật là phạm thần luận đấy. Nhưng làm như thế, họ đã rơi vào sự sai lầm khi dùng những khái niệm triết học phương Tây như hữu thần luận hay phạm thần luận để đặt đạo Phật vào đó.

Hơn thế nữa, ở đây, cái mà chúng ta cần để mắt tới không phải là ba cân tơ (cảnh, khách quan) nhưng là Động Sơn (nhân, chủ quan). Phải để ý đến cái “máy động” như là một vị Phật ở nơi con người đã thốt ra mấy chữ “Ba cân tơ!”, nghĩa là thiền sư Động Sơn. Trong tác 32 nhan đề Kẻ ngoại đạo (Bà la môn) hỏi Phật (Ngoại đạo vấn Phật), khi kẻ ngoại đạo hỏi: “Có cái gì mà nói ra không được, im cũng không được?” (Bất vấn hữu ngôn, bất vấn vô ngôn) thì Thế Tôn chỉ ngồi lặng thinh. Ở đây, Động Sơn trả lời “Ba cân tơ!”. Cái gì cũng là máy động của Phật. Tôi xin phép được hiểu công án này như một công án về “hoạt năng”, trong tiếng Anh, nó tương xứng với từ *dynamism*. Như vậy, công án này dùng để luyện cái máy động của pháp thân⁷¹ tức là cái chân tướng tự kỷ. Khi có pháp thân rồi, sẽ có hoạt năng để máy động. Nói theo ngôn ngữ thiền, điều kiện đầu tiên phải xác định được cái chủ thể như một “ngã phi-ngã” (cái tôi không phải tôi).

Trong thiền, có câu: “Chó điên đuổi hòn đất”, nghĩa là nếu ném hòn đất về hướng con chó điên, nó sẽ không nhìn về phía người ném mà chạy về phía hòn đất. Nếu là sư tử thì khác, con này sẽ không phóng về phía hòn đất mà về phía người ném. Thiền dạy ta rằng, trong trường hợp như thế, phải hành động như sư tử chứ không phải như chó điên.

Thường người ta xem mục đích của công án này là bàn về pháp thân nhưng xin phép xem nó như một công án bàn về “hoạt năng” để hiểu cách thiền sư Động Sơn Thủ Sơ đã biểu thị bằng sự thần diệu của ngôn từ (diệu mật ngôn cú) cái “máy động” kia như thế nào.

Bình sinh, có lẽ đôi khi thiền sư Động Sơn cũng cầm tơ gai trong tay dùng vào việc gì đó. Để trả lời người tu học, ông đã xử sự theo một lối khác với cách chỉ dạy (thị) bằng cách ngồi trơ ra đó (cử tòa) và im lặng (lương cử) của Thế Tôn trong tác 32⁷². Nếu Thế Tôn có giải pháp “lương cử” thì Động Sơn có giải pháp “ma tam cân”.

Phật Giáo có nghĩa là những lời Phật dạy, hướng dẫn mỗi người trong chúng ta thành Phật. Phật là “kẻ đã thức tỉnh”. Thức tỉnh cái gì chứ? Tức tỉnh cái “bản lai tự kỷ”. Ai cũng có Phật tính tức là bản tính làm Phật. Cái quan trọng của đạo Phật là thức tỉnh được cái “tự tính” (tự kỷ bản tính” ấy. Làm sao để thức tỉnh tự tính à? Phải nhập vào cái cảnh giới phi ngã bằng phương pháp thiền định. Khi đã vào chỗ thiền định vô ngã rồi thì lạ lùng lắm nghe, tất cả mọi thứ sẽ trở thành tự kỷ. Tơ gai ta đang cầm trên tay cũng thành tự kỷ. Và như thế, nhân (chủ thể) và cảnh (khách thể) hợp thành “vật ngã nhất như”. “Ba cân tơ!” mà thiền sư Động Sơn nhắc đến cũng là “Ba cân tơ!” của “nhân cảnh bất nhị”. Đó cũng là điều mà ta sẽ thấy lại trong tác thứ 37 Cây bách trước sân (Đình tiền bách thụ). Ý nghĩa cả hai tác hoàn toàn giống nhau.

Vì biết chỉ cho người một cách thân ái con đường của thiền cho nên lời lẽ (ngôn) và tâm lòng

⁷⁰ Phạm thần luận (Pantheism) là quan điểm tôn giáo và triết học xem trong bất cứ sự hiện hữu nào cũng có thần linh, cho nên thần linh và thế giới là đồng nhất thể. Nó là điểm chung của tư tưởng Ấn Độ trong Upanisad, trong triết học Hy Lạp tiền Socrates và triết học cận đại của Spinoza, Goethe, von Schelling vv...

⁷¹ Hay pháp tính thân. Cách Phật thể hiện như qui tắc vận hành một vũ trụ vĩnh viễn. Một trong tam thân. Tương ứng với sắc thân, ứng thân và báo thân.

⁷² Xin tham chiếu tác 32 đằng sau để hiểu rõ hơn.

(ý) của Động Sơn được Vô Môn đánh giá cao. Ông được Vô Môn xem là một nhà tu thiền đứng đắn, khác với những người mang danh hiệu thiền gia mà chỉ gieo rắc sự rối loạn trong tâm trí người ta.

Tắc số 19: Tâm bình thường là đạo (Bình thường thị đạo)⁷³.

平常是道

Bản tác:

Thiền sư Nam Tuyền⁷⁴, nhân học trò là Triệu Châu⁷⁵ hỏi:

-Đạo là gì vậy?

Mới trả lời:

-Đạo là cái tâm bình thường⁷⁶.

Triệu Châu hỏi tiếp:

-Như thế phải nỗ lực để tiến gần đến nó hay sao⁷⁷?

Nam Tuyền đáp:

-Không đâu. Tiến dần đến đó thì ngược lại, mỗi ngày nó một xa.

Triệu Châu:

-Nhưng nếu không làm gì cả thì sao có thể biết đạo là gì?

Lúc ấy, Nam Tuyền mới giảng:

-Đạo là cái vượt lên trên trình độ của sự hiểu biết lẫn không hiểu biết. Bảo mình biết được đạo rồi thì đó chỉ là ảo tưởng, còn như nói không biết thì tất cả không lẽ hoàn toàn một trang giấy trắng⁷⁸!. Tuy nhiên, nếu thực sự sống được một cuộc đời bình thường, không thắc mắc⁷⁹ là có thể khoáng đạt như cõi thái hư rồi. Một khi được như thế rồi, còn bận lòng đi tìm hiểu cái này cái nọ⁸⁰ cho mất công!

Nam Tuyền chưa dứt câu, Triệu Châu đã tỉnh ngộ.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Hòa thượng Nam Tuyền bị Triệu Châu hỏi sấn tới, lập cập sụm xuống như gói vỡ băng tan, không biết lấy chi mà trả lời. Còn về phần Triệu Châu, nghe nói lúc ấy đã giác ngộ nhưng, (cứ theo ý Vô Môn tôi thì) để điều đó thấm được vào người, (ông ta còn phải) phải công phu tham thiền thêm ba mươi năm nữa.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Xuân hữu bách hoa thu hữu nguyệt,
Hạ hữu lương phong đông hữu tuyết.
Nhược vô nhân sự quả tâm đầu,

⁷³ Thoại này có chép trong Triệu Châu Lục quyển thượng cũng như Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 4 chương nói về Triệu Châu Tung Thẩm.

⁷⁴ Xem chú ở tắc 14.

⁷⁵ Xem chú ở tắc 1.

⁷⁶ Câu nói bất hủ về chủ trương “Bình thường thiền” có trong Mã Tổ Ngũ Lục: Bình thường tâm thị đạo.

⁷⁷ Nguyên văn “thú hướng”, lối học đạo bằng cách đặt mục đích rồi hướng tự kỷ tiến về phía nó “tiệm tu tiệm ngộ”. Vì vẫn còn có sự phân biệt mục đích và tự kỷ nên lối này bị Nam Tôn Thiền phê phán.

⁷⁸ Nguyên văn “vô ký” dịch tiếng Phạn *avyakṛta* ý nói trầm mặc, không trả lời. Đó là thái độ của Phật Đà khi bị những kẻ ngoại đạo hỏi ngài 14 câu có tính siêu hình học. Còn gọi là “thập tứ vô ký”. Đây chỉ trạng thái “đề giấy trắng, không ghi chép gì lên”.

⁷⁹ Nguyên văn “bất nghi” (Tổ Đường Tập lại chép là bất nghi). Tuy nhiên “bất nghi chi đạo” ở đây cũng như bất nghi đều cùng một ý nói là thông suốt, không do dự trước điều gì.

⁸⁰ Nguyên văn “phân sơ bất hạ”: có giải thích không thể nào rõ ràng được.

Tiên thị nhân gian hảo thời tiết.

春有百花秋有月
夏有涼風冬有雪
若無閑事掛心頭
便是人間好時節

(Xuân có trăm hoa, thu, ánh nguyệt,
Hạ thời gió mát, tuyết vào đông.
Người mà thư thái, tâm vô sự,
Thời tiết quanh năm đẹp giữa lòng)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Lúc ấy thiền sư Triệu Châu Tùng Thẩm tính ra mới có 18 tuổi mà đã có nhân duyên đại ngộ với hòa thượng Nam Tuyên. Trong Phật Giáo, đạo có nghĩa là giác ngộ nhưng Trung Quốc thì thường hiểu đạo là con đường. Đối với Tây Phương có lẽ Đạo là lý (ngôn ngữ, pháp lý) chăng?

Trước câu hỏi của Triệu Châu, Nam Tuyên đã trả lời, nhưng không bằng lời của chính mình. Ông mượn lời của thiền sư Mã Tổ, thầy mình. Triệu Châu cứ tưởng đạo là một ý tưởng (idea) hay lý tưởng (ideal) cho nên định đặt nó như một mục tiêu để tìm tới. Thế nhưng Nam Tuyên đã khẳng định rằng nó không phải là một dị vật đứng bên ngoài ta, nếu muốn thực hiện nó thì sẽ rơi vào chủ nghĩa lý tưởng (idealism). Nói vậy thì nói, cũng đừng soi mói nhìn vào bên trong để tìm vì sẽ trở thành kẻ đi theo chủ nghĩa thần bí (mysterism). Phật giáo không dính dáng gì đến siêu việt luận (transcendentalism) hay nội tại luận (immanentism), hữu thần luận (theism) cũng như phạm thần luận (pantheism). Nếu muốn đặt một cái tên thì may ra có thể dùng chữ vạn hữu tại thần luận (panentheism) mà thôi..

Nhân vì Triệu Châu vẫn còn đứng ở lập trường phân biệt tự ngã nên lại đặt câu hỏi tiếp. Nam Tuyên đã trả lời ngay là đạo không liên hệ gì đến sự phân biệt bằng tri thức (tri/bất tri). Nếu bảo biết được đạo, ấy là vọng tưởng, ngộ ngộ (có cái ngộ sai lầm). Còn nói không biết tức là vô ký, bạch chỉ (giấy trắng không ghi chép). Con đường đạo đúng đắn là con đường “không cần nhắm tới” mà đạt được. Cũng như hư không, thái hư, nó trống rỗng. Nó không thể lấy cái tâm phân biệt mà cố hiểu cho ra.

Triệu Châu lúc đó mới ngộ được điều thầy dạy: Đạo là trạng thái ngộ khi tự ngã trở thành trống không. Tự ngã lúc đó ở trạng thái vô ngã, nhận ra được cái bản lai tự kỷ (ngã của vô ngã) của mình. Bản chất của tự ngã là phân biệt, cho nên khi nào sự phân biệt chưa chết đi thì chưa thể đắc cái bản lai tự kỷ (vô vị chân nhân, Phật Đà) được.

Bài tụng của Vô Môn nhằm ca ngợi cái chết của tự ngã (ego) để cho tự kỷ (self) của con người chân thực (chân nhân) sống lại với cái tâm bình thường mọi ngày. Thiền sư Dôgen có bài thơ *waka* như thế này:

Haru wa hana
Natsu hototogisu
Aki wa tsuki
Fuyu yuki saete
Suzushikari keri
(Xuân sang ta có hoa kè,
Hạ thì tiếng cuốc, thu về trăng trong,
Đông tuyết lạnh. Mát trong lòng)

Tắc số 20: Đại lực sĩ (Đại lực lượng nhân)⁸¹.

大力量人

Bản tắc:

Hòa thượng Tùng Nguyên⁸² nói:

-Người (tu hành đến độ phát huy được) sức mạnh siêu việt, vì có gì (lúc ngồi thiền) nhắc chân (dậy) không nổi vậy?

Còn bảo:

-Tại sao (lại bảo ông ta) nói chuyện mà không cần dùng lưỡi?

Bình xướng:

Vô Môn nói rằng:

Hòa thượng Tùng Nguyên moi gan móc ruột mình phơi bày cả ra đấy nhì! Khôn nổi, chỉ thiếu người chịu tiếp nhận mà thôi. Tuy nhiên, giả sử có người tiếp nhận ngay thì Vô Môn xin mời đến đây đánh cho một trận đòn đau. Muốn hỏi lý do, hả? Vì muốn chắc là thứ vàng thật hay không, phải lấy lửa thử một lần cho rõ chứ!

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Đài cước đập phiên Hương Thủy Hải⁸³,

Đề đầu phủ thị Tứ Thiên Thiên⁸⁴.

Nhất cá hồn thân vô xứ trước,

(Thỉnh, tục nhất cú!)

抬脚踏翻香水海

低頭府視四禪天

一個渾身無處著

請續一句

(Nhắc cẳng đập nghiêng bao biển lớn,

Cúi đầu nhìn xuống mây khung trời.

Một khối hồn thân không chỗ tựa,

(Này này, ngâm nốt một câu chơi!)

⁸¹ Thoại này có trong Tùng Nguyên Sùng Nhạc Thiền Sư Ngữ Lục Tháp Minh. Đây bao gồm 2 trong ba câu nói chuyện mê khai ngộ nổi tiếng của thiền sư, gọi chung là “Tùng Nguyên tam chuyển ngữ”.

⁸² Thiền sư Tùng Nguyên Sùng Nhạc (1132-1202) là tăng phái Dương Kỳ dòng Lâm Tế, nhận pháp tự của Mật Am Sư Thê (1118-1186). Tiểu sử có chép trong Tục Truyền Đăng Lục quyển 35, Đại Minh Cao Tăng Truyền, quyển 8. Thiền phong nghiêm mật của ông được gọi là “Tùng Nguyên hắc đậu pháp”. Hắc đậu có nghĩa là văn tự. Để lại Tùng Nguyên Sùng Nhạc Thiền Sư Ngữ Lục 2 quyển.

⁸³ Theo vũ trụ quan Ân Độ cổ xưa, núi Tu Di Sơn, trung tâm của vũ trụ, được bao vây bằng Hương Thủy Hải, một biển có 7 tầng.

⁸⁴ Ở Sắc Giới (một trong Tam Giới = Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới) có 4 tầng trời tên gọi Tứ Thiên Thiên, những kẻ trong Dục Giới biết tọa thiền sẽ được thăng lên đấy.

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Tùng Nguyên Sùng Nhạc là bậc danh sư trong làng thiền, được biết đến nhờ phương pháp “hắc đậu thiền”. Hắc đậu tức đậu đen, lại có nghĩa là văn tự, nên lối thiền ấy lại được gọi là “văn tự thiền”. Ở trong công án này có hai tắc, chứa 2 trong 3 chuyển ngữ (câu nói có thể giúp chuyển mê khai ngộ) của Tùng Nguyên. Chuyển ngữ thứ 3 thấy trong tắc thứ 150 của sách tên gọi Tông Môn Cát Đằng⁸⁵ Tập. Câu thứ 3 đó như sau: “Người có tâm nhãn trong sáng, có sao không cất nổi sợi chỉ đỏ vương chân”.

Xin bắt đầu bằng chuyển ngữ số 1. “Vì có gì (nguyên văn: Nhân thậm = vì đâu đến nỗi) người có sức lực vô cùng mạnh mẽ lại không nhắc được chân lên?” Câu hỏi “Vì đâu đến nỗi” của công án rất quan trọng. Ta gọi nó là “Đông Sơn hạ ám hiệu mật lệnh”, một câu hỏi đặt ra mà không cần câu trả lời vì để cho người nghe hỏi có được tâm cảnh “tự do”. Đây cũng là bằng chứng về cái tâm từ bi của các thầy dạy thiền mà tôi đã có lần nhắc đến.

Có người thường thì sáng, trưa, chiều, khi nào khô cổ bèn uống một chén trà. Một hôm, trong một buổi lễ coi mắt vợ, phải đến trà thất để uống trà xay mịn (xin hiểu trà thất theo lối truyền thống là một gian phòng nhỏ, tĩnh tịch để gặp nhau uống trà và nói chuyện, LND). Là người thiếu hiểu biết về nghi thức trà đạo, anh ta không biết phải uống như thế nào và mắc cỡ về sự yếu kém về văn hóa của mình. Một khi đã hổ thẹn vì là người Nhật mà không biết gì về văn hóa nước mình, trong lòng anh ta sẽ dậy lên ý thích muốn học trà đạo. Mục đích của công án đối với người ta cũng chỉ là thế.

Nếu là người không đau ốm tật nguyên thì việc nhắc chân lên nào có khó khăn gì. Thế nhưng, vấn đề là có một sự kiện nào đó mà khi bắt buộc phải thực hành như pháp thì người đó lại không tự do và vô tâm để làm được. Do đó, vấn đề đặt ra ở đây không phải là việc nhìn vào cái hữu tâm, hữu vi của tự ngã nữa, mà là câu hỏi: bằng máy động của vô tâm, vô vi của tự ngã, ta có thông dong hành động được hay không. Đây chính là cái bản chứng diệu tu, uy nghiêm tức Phật pháp, tác pháp thị tôn chỉ.

Bước qua chuyển ngữ thứ 2. “(Tại bảo ông ta) không dùng lưỡi mà nói năng được?” (Chính ra phải dịch là: Vì đâu đến nỗi không nói bằng đầu lưỡi? khi thêm hai chữ “Na thậm” vào trước nguyên văn “Khai khẩu bất tại thiết đầu thượng”). Xin kể ra đây câu chuyện về Yamaoka Tesshu (Sơn Cương, Thiết Chu, 1836-88), một chính trị gia và đại cư sĩ thông hiểu kiếm, thiền, thư đạo, sống vào đời Minh Trị. Một hôm Tesshu tiên sinh yêu cầu nhà kể chuyện tếu nổi tiếng Sanyuutei Enchô (Tam Du Đình Viên Triều, 1839-1900) kể cho ông nghe câu chuyện về “Câu Bé Quả Đào” (Momo Tarô), cổ tích dân gian mà người Nhật ai nấy đều biết. Enchô bèn lưu loát nói như mây trôi nước chảy, kể đến hết câu chuyện. Tesshu mới tiếp: “Bây giờ ông thử kể mà không dùng đến “lưỡi” xem!” Như chim sẽ bị cất lưỡi, làm thế nào mà kể, cũng như còn giữ “tự ngã” thì không thay đổi con người mình được. Do đó, Enchô mới bỏ công sức nghiên cứu cách thức để có thể kể lại câu chuyện nói trên mà không cần cái lưỡi, và sau đây, như một quả hồng chín nhũn, ông ta hầu như có thể trình bày nó ở một trạng thái vô tâm. Ông thử dùng cái tâm vô tâm, dùng cái niệm vô tâm, bỏ tự ngã (ego) chỉ còn lại tự kỷ (self) trong khi kể chuyện. Đó là “vô tâm diệu dụng”. Về sau, Enchô lại tìm đến Sesshu để kể đi kể lại câu chuyện, cho đến lúc Sesshu chấp nhận “Được rồi đấy!” và tặng cho danh hiệu “Vô Thiết Cư Sĩ” (Ông cư sĩ không lưỡi).

Như thế, chắc đối với công án trên, ta không cần phải bàn thêm gì nữa. Thử đi qua câu chuyển ngữ thứ 3: “Người có tâm nhãn trong sáng, có sao không cất nổi sợi chỉ đỏ vương chân”. Sợi

⁸⁵ Trong tiếng Nhật, cát đằng (kattô) có nghĩa là các loại giầy leo mắc miu, tượng trưng cho những trạng thái tâm lý tương phản gây nên xung đột phức tạp trong nội tâm (frustration). Tuy nhiên, trong ngôn ngữ thiền, cát đằng chỉ có nghĩa là “ngôn ngữ văn tự” hay chính công án.

chỉ đó nguyên văn là “hồng ti tuyến”, xin hiểu là “hồng ti cân” trong nghĩa mối liên hệ, đó là mối liên hệ nam nữ, tơ duyên buộc chân.



Cũng là cước hạ hồng ti (sợi tơ vương chân)?

Quách Nguyên Chấn đời Đường là một chàng trai tài mạo song toàn, được Tể Tướng Dương Hỷ Trinh kêu lại gả con. Ông có 5 cô con gái nên cho Quách tùy ý “bắt thăm” bằng cách nắm một trong năm mỗi dây chỉ đỏ buộc vào 5 cô và rút cuộc, Quách chọn được cô thứ ba. Đó là việc chép trong Khai Nguyên Thiên Bảo Di Sự.

Từ đó có chữ “Cước hạ hồng ti tuyến” (Sợi chỉ đỏ buộc chân). Sợi chỉ hồng này cũng có thể hiểu như sợi dây phiền não. Cho dù người đã ngộ đạo, chưa chắc đã dẹp nó đi được. Đọc câu:

Kiến hoặc đôn đoạn như phá thạch,
Tư hoặc trầm đoạn như ngẫu ti⁸⁶

見 惑 頓 斷 如 破 石
思 惑 斬 斷 如 藕 糸

(Trí ngộ thì bửa tan như đá,
Lòng rôi, ra tay cắt tựa tơ).

mới thấy “kiến hoặc” hay “lạc lối trong cách nhìn” có thể dùng “kiến tính” mà đập tan như đập đá. Thế nhưng “tư hoặc” hay “lạc lối trong tình ý”, nếu “kiến tính” không thôi thì chắc chắn chưa đi đến đâu. Do đó, phải dùng “ngộ hậu tu hành” tức sự tu hành sau khi đã giác ngộ để dẹp bỏ hết mọi vẩn vương (ngẫu ti).

Hiểu được bao nhiêu đây có thể đứng dậy ngay được rồi...nhưng nếu bị người hỏi “Có sao không cắt sợi chỉ đỏ được?” thì lúc đó e chúng ta lại dùng cái tâm phân biệt để trả lời ngay rằng nếu cắt được thì tốt và không cắt được thì xấu. Thế nhưng, có thật bắt buộc phải cắt sợi chỉ đỏ này không? Hay là cứ để nó y nguyên, không cần làm gì cả?

HẾT PHẦN II

⁸⁶ Ngẫu ti. Nguyễn Du đã dịch thành ngữ “ngẫu đoạn ti liên” thành “đầu lia ngó ý còn vương tơ lòng” (LND).